

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI KHẢ NĂNG TIẾP CẬN TÀI CHÍNH VI MÔ CỦA NGƯỜI DÂN TẠI KHU VỰC NÔNG THÔN TỈNH THÁI NGUYÊN

Tạ Việt Anh¹, Nguyễn Thị Phương Anh²,
Bùi Đức Linh³

Tóm tắt

Tài chính vi mô đóng vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển nông nghiệp nông thôn, xóa đói giảm nghèo và nâng cao đời sống của người dân tại khu vực nông thôn. Vì vậy, mục tiêu nghiên cứu là xác định các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của người dân tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Sử dụng mô hình phân tích hồi quy Binary logistic (Logit), kết quả các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của người dân trên địa bàn nông thôn tỉnh Thái Nguyên là số năm đi học của chủ hộ, giới tính chủ hộ, giá trị tài sản hộ, diện tích đất của hộ, số lượng lao động hộ và tuổi của chủ hộ. Căn cứ kết quả nghiên cứu thực tiễn, bài viết đưa ra khuyến nghị cho các nhà quản lý trong việc hoạch định chính sách phát triển tài chính vi mô tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên hiệu quả và bền vững.

Từ khóa: Tài chính vi mô, Nông hộ, Nông thôn

FACTORS AFFECTING THE ACCESS TO MICROFINANCE OF THE CITIZENS IN RURAL AREAS OF THAI NGUYEN PROVINCE

Abstract

Microfinance plays an important role in the agricultural and rural development, poverty reduction and improvement of the living standards of rural households. Therefore, the research is aimed to identify the factors affecting the access to microfinance of rural citizens in Thai Nguyen province. Using Binary Logistic (Logit) regression analysis model, the results show that the factors affecting the access to microfinance of the citizens are the number of schooling years of the household head, the gender of household head, the value of household's assets, the farming area of the household, the number of household workers and the age of the household head. Based on the results of the research, the paper proposes recommendations for managers to make effective and sustainable microfinance development policies in rural areas in Thai Nguyen province.

Key words: Microfinance, household, Rural.

1. Đặt vấn đề

Thái Nguyên là một tỉnh nằm ở khu vực trung du miền núi phía Bắc, điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, số hộ nghèo tương đối lớn và đa phần sinh sống ở khu vực nông thôn, theo số liệu Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2015, chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo là 13,4% hộ cận nghèo là 8,94%, cao hơn so với bình quân chung cả nước lần lượt là 9,88% và 5,22%. Trong những năm qua tỉnh Thái Nguyên đã tích cực thực hiện các chương trình giảm nghèo, một trong những chương trình quan trọng là tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ nông dân thông qua các tổ chức tài chính vi mô. Tiêu biểu trong hoạt động cho vay tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên hiện nay là Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên, với địa bàn hoạt động mở rộng đến 100 % số xã

trên địa bàn tỉnh, tổng nguồn vốn đạt trên 2.800 tỷ đồng, trên 92.000 khách hàng đang dư nợ. Vì vậy, bài viết sẽ tập trung nghiên cứu, đi sâu phân tích, tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của người dân tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Từ đó, tổng kết thành vấn đề có tính thực tiễn, đưa ra khuyến nghị giải pháp cho các nhà quản lý trong việc hoạch định chính sách phát triển tài chính vi mô tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên hiệu quả và bền vững.

2. Tổng quan tài liệu

Tài chính vi mô là chủ đề được các nhà kinh tế trong và ngoài nước quan tâm phân tích, nghiên cứu. Sau đây là tổng hợp một số bài viết có liên quan đến chủ đề nghiên cứu.

Lâm Chí Dũng (2003) nghiên cứu về thị trường tín dụng phi chính thức ở một số tỉnh miền Trung cho thấy, những hộ có trình độ học

vấn và thu nhập thấp thì khả năng vay vốn ở khu vực chính thức càng ít và họ có xu hướng tìm kiếm tài trợ từ khu vực tín dụng phi chính thức. Cụ thể có đến 61% số hộ trong nhóm có trình độ học vấn thấp nhất vay vốn từ khu vực tín dụng phi chính thức, trong khi đối với nhóm có trình độ trung học phổ thông tỷ lệ này chỉ là 20%.

M.H. Quach (2003) & A.W. Mullineux (2003) & V. Murinde (2003) kết luận rằng các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận nguồn tín dụng chính thức của hộ là trình độ học vấn của chủ hộ và các yếu tố về nguồn lực sản xuất của hộ như đất đai hay nguồn tiết kiệm.

Mikkel Barslund (2006) & Finn Tarp (2006) xác định rằng các thuộc tính của hộ và các nguồn lực của hộ như diện tích đất, giá trị tài sản tác động đến khả năng tiếp cận tín dụng của hộ tại thị trường tín dụng nông thôn Việt Nam.

Vương Quốc Duy (2009) & Lê Long Hậu (2009) & Marijke D'haese (2009) nghiên cứu cho kết quả, các yếu tố ảnh hưởng tới việc tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long bao gồm tổng diện tích đất sản xuất của hộ, số thành viên hộ, thành viên hộ có tham gia công tác ở chính quyền địa phương hay không.

Các nghiên cứu thực nghiệm cho kết quả các yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của nông hộ bao gồm nhóm các yếu tố: nguồn lực sản xuất của hộ (đất đai, nguồn tiết kiệm, thu nhập), tài sản của hộ (như giá trị tài sản), đặc điểm của hộ và chủ hộ (trình độ chủ hộ, số thành viên...), tham gia vào hoạt động tại địa phương. Kết quả nghiên cứu trên là cơ sở xác định các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của người dân nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Số liệu phân tích

Số liệu sử dụng trong nghiên cứu là số liệu được sử dụng từ bộ số liệu khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VLSS) 2014. Phương pháp xác định số lượng, cỡ mẫu, địa bàn điều tra theo nguyên tắc của Tổng cục Thống kê với yêu cầu đảm bảo toàn bộ 9/9 huyện, thành, thị trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đều có hộ sống tại khu vực nông thôn được điều tra. Tổng số hộ được thu thập số liệu là 102 hộ đang sinh sống tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên.

3.2 Mô hình phân tích

Nghiên cứu vận dụng mô hình Binary Logistic (Logit) để xem xét các yếu tố tác động tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của hộ nông dân trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Mô hình được thực hiện như sau:

$$\ln \left(\frac{P_i}{1 - P_i} \right) = \beta_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4 + \beta_5 X_5 + \beta_6 X_6 + \beta_7 X_7 + \beta_8 D_1 + u_i$$

Trong đó: Biến phụ thuộc: Y là biến vay vốn của hộ (Y = 1 nếu hộ có vay vốn

Y = 0 hộ không vay vốn)

Các biến độc lập: X_i (i = 2,7), D: biến giả

P_i là xác suất hộ có tiếp cận được nguồn tài chính vi mô (với Y = 1)

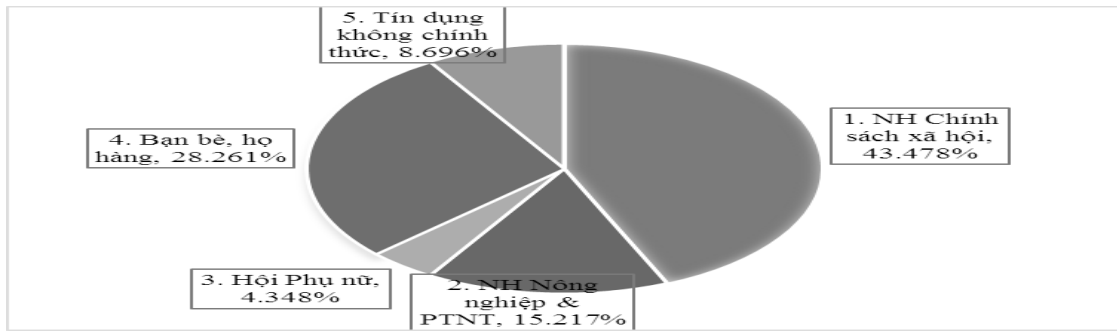
4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Hoạt động tài chính vi mô tại khu vực nông thôn tỉnh Thái Nguyên

4.1.1. Nguồn cung tín dụng cho hộ

Hệ thống tài chính vi mô ở khu vực nông thôn bao gồm các tổ chức tài chính chính thức và phi chính thức. Trong đó, khu vực tài chính chính thức gồm có các ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NHNN&PTNT), ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH), các Quỹ tín dụng nhân dân... Kết quả số liệu từ đồ thị 01 cho thấy, nguồn cung tín dụng cho khu vực nông thôn xuất phát chủ yếu từ khu vực tín dụng chính thức, trong đó vai trò chủ đạo là NHCSXH (43,48%) và NHNN&PTNT (15,22%), hai ngân hàng trên cung cấp tới 58,7% tổng số khoản vay của hộ. Đặc biệt với lợi thế quy mô hoạt động các phòng giao dịch được mở tới 100% số xã, nhiệm vụ cung cấp tài chính tới người dân và người nghèo khu vực nông thôn, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên tính đến hết năm 2016 doanh số cho vay đạt 972,275 tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2015.

Nguồn vốn cung cấp tài chính từ khu vực phi chính thức từ bạn bè, họ hàng và tín dụng không chính thức chiếm lần lượt là 28,26% và 8,7%. Nguồn vốn này có ưu điểm là hình thức vay nhanh gọn, tiện lợi, chủ yếu là tín chấp, đã đáp ứng được nhu cầu tức thời về vốn của người dân nông thôn. Số lượng khoản vay từ khu vực này chiếm 36,96% tổng số khoản vay của hộ cho thấy vai trò quan trọng của tài chính phi chính thức tại khu vực tài chính vi mô ở nông thôn.



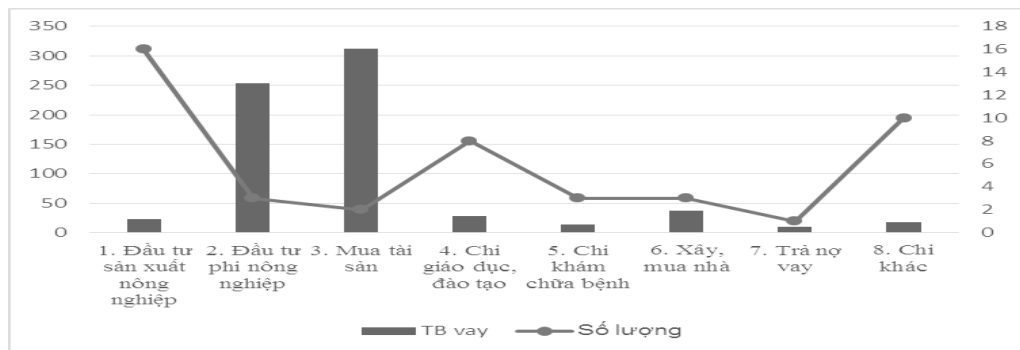
Đồ thị 01: Nguồn cung cấp tài chính vi mô tại khu vực nông thôn

Nguồn: Số liệu khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2014

4.1.2. Mục đích sử dụng nguồn vốn vay

Mục đích sử dụng nguồn vốn vay từ các

nguồn khác nhau phản ánh rõ khả năng sử dụng vốn vay của hộ.



Đồ thị 02: Số lượng và giá trị khoản vay theo mục đích sử dụng nguồn vốn vay

Nguồn: Số liệu khảo sát mức sống hộ gia đình năm 2014

Nguồn vốn vay được đầu tư sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn nhất là 39,5% số khoản vay. Đây là định hướng tích cực của các hộ nông dân, vì đầu tư sản xuất hay tích lũy tài sản là động lực chính để phát triển kinh tế hộ. Tuy nhiên, giá trị đầu tư vào sản xuất nông nghiệp chỉ bằng 8,9% giá trị đầu tư sản xuất phi nông nghiệp. Bên cạnh đó, nguồn vốn vay còn được sử dụng cho nhiều hoạt động của hộ như chi giáo dục đào tạo, mua tài sản, chi chăm sóc sức khỏe....

4.2 Mô hình phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của hộ

Căn cứ vào những nghiên cứu thực nghiệm ở trên, kết hợp với mục tiêu của nghiên cứu là đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của hộ nông dân. Vì vậy, mô hình được sử dụng phân tích là hàm hồi quy Binary logistic (Logit), với biến phụ thuộc là Y vay vốn của hộ (Y = 1 hộ có vay vốn, Y = 0 hộ không vay vốn). Các biến độc lập được xác định là nguồn lực sản xuất của hộ (diện tích đất, thu nhập, số lao động), tài sản của hộ (giá trị tài sản), đặc điểm của chủ hộ (trình độ chủ hộ, tuổi, giới tính chủ hộ).

Bảng 01: Mô tả các biến độc lập và dấu kỳ vọng trong hàm hồi quy

Biến độc lập	ĐVT	Mô tả biến số	Dấu kỳ vọng
TUOI	Năm	Tuổi chủ hộ, là số tuổi của chủ hộ tính đến thời điểm điều tra	+/-
GIOITINH		Giới tính chủ hộ, biến này nhận giá trị là 1 nếu là nam, nhận giá trị 0 nếu là nữ	+/-
TRINH DO	Năm	Trình độ học vấn của chủ hộ, được biểu thị thông qua số năm đi học	+
TAISAN	ngàn đồng	Giá trị tài sản hộ, là toàn bộ giá trị tài sản phục vụ trực tiếp vào hoạt động kinh tế hộ	+
DIENTICH	m ²	Diện tích đất sản xuất của hộ	+
THUNHAP	ngàn đồng	Thu nhập hộ, là tổng thu nhập từ các nguồn của hộ	-
LAODONG	Người	Số lượng lao động của hộ	+

Kết quả ước lượng các hệ số hồi quy bằng mô hình Logit thông qua phần mềm SPSS 20.0.

Nguồn: Tác giả tính toán từ kết quả phân tích mô hình logit

Bảng 02: Kết quả ước lượng mô hình tiếp cận tài chính vi mô của hộ

Hộ có vay vốn (VAY = 1)	Kết quả ước lượng			
	Các biến số độc lập	Hệ số hồi quy	Giá trị kiểm định (z-values)	Giá trị e^{β_k}
C		-0,131	-0,667	
TUOI		-0,115	-3,026***	0,890
GIOITINH		-2,026	-2,092**	
TRINHDO		0,079	0,860	
TAISAN		$4,72 \cdot 10^{-5}$	2,942***	0,000
DIENTICH		$2,92 \cdot 10^{-4}$	3,130***	0,999
THUNHAP		$-1,56 \cdot 10^{-6}$	-0,811	
LAODONG		1,581	3,577***	0,168
Số quan sát		102		

*** độ tin cậy 99%

** độ tin cậy 95%

Kết quả ước lượng các hệ số của mô hình hồi quy cho thấy xu hướng ảnh hưởng của từng nhân tố tới xác suất tiếp cận tín dụng của hộ.

Với mức ý nghĩa 5% hệ số hồi quy của các biến *tuổi chủ hộ*, *giới tính chủ hộ*, *giá trị tài sản hộ* và *số lao động của hộ* có ý nghĩa thống kê, hay các yếu tố trên có ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của hộ. Hệ số hồi quy của các biến *trình độ*, *thu nhập* không có ý nghĩa thống kê, hay các biến trên không ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của hộ.

Hệ số ước lượng của biến *tuổi chủ hộ* cho thấy nếu chủ hộ tăng thêm 1 năm thì xác suất vay vốn sẽ giảm xuống. Nghĩa là khi chủ hộ tuổi càng tăng thì nhu cầu về vay vốn cho hoạt động đầu tư, sản xuất giảm.

Hai hệ số hồi quy của các biến *giá trị tài sản* và *diện tích đất sản xuất* đều có độ tin cậy lên tới 99%. Điều đó có nghĩa, khi hai nguồn lực này tăng lên hay quy mô hoạt động sản xuất được mở rộng thì xác suất vay vốn của hộ cũng tăng. Kết luận này cũng tương ứng với kết quả nghiên cứu về thị trường tín dụng nông thôn Việt Nam của Barslund và Tarp (2006).

Hệ số hồi quy của biến *giới tính chủ hộ* cho biết nếu chủ hộ là nữ xác suất vay vốn cao hơn chủ hộ là nam. Điều đó cho thấy trong xác suất về cầu tài chính vi mô có sự khác biệt giữa chủ hộ là nam hay là nữ, đặc biệt khi chủ hộ là nữ thì nhu cầu về vay vốn tăng lên.

Hệ số ước lượng số lượng lao động của hộ cho biết khi hộ tăng thêm 1 lao động thì xác suất vay vốn của hộ tăng lên.

Bảng 03: Ước lượng xác suất vay vốn theo tác động biên của từng nhân tố

Biến phụ thuộc: Hộ có vay vốn (VAY = 1)	Hệ số hồi quy	Xác suất vay vốn ban đầu của hộ			
		35%	40%	45%	50%
Các biến độc lập					
Tuổi của chủ hộ (TUOI)	-0,115	32,42%	37,26%	42,16%	47,11%
Giá trị tài sản (TAISAN)	$4,72 \cdot 10^{-5}$	35,00%	40,00%	45,00%	50,00%
Diện tích đất SX (DIENTICH)	$2,92 \cdot 10^{-4}$	35,01%	40,01%	45,01%	50,01%
Số lao động của hộ (LAODONG)	1,581	72,35%	76,41%	79,90%	82,93%

Nguồn: Tác giả tính toán từ kết quả phân tích mô hình logit

Tác động biên của từng yếu tố tới xác suất tiếp cận tài chính vi mô của hộ. Nếu một hộ trong mẫu nghiên cứu có xác suất vay vốn ban đầu là 40%, khi các yếu tố khác không đổi, nếu số tuổi của chủ hộ tăng thêm 1 năm thì xác suất vay vốn của hộ giảm 2,74%; nếu diện tích đất

sản xuất của hộ tăng thêm 1 m² thì xác suất vay vốn của hộ tăng thêm 0,01%; nếu giá trị tài sản hộ tăng thêm 1000 đồng thì xác suất vay vốn của hộ tăng thêm tương ứng là 0%; khi hộ có thêm 1 lao động thì xác suất vay vốn của hộ tăng thêm tương ứng 36,41%.

Kết quả phân tích cho biết lao động có vai trò và ảnh hưởng lớn tới khả năng tiếp cận nguồn tài chính vi mô của hộ, vì đặc điểm sản xuất của hộ trên địa bàn nông thôn tỉnh Thái Nguyên là sản xuất nông, lâm nghiệp với quy mô hộ nhỏ lẻ, lao động giản đơn, nên để phát triển, mở rộng sản xuất của hộ cần số lao động lớn. Bên cạnh đó, chủ hộ là nữ vai trò quan trọng hơn nam trong việc tiếp cận nguồn tài chính vi mô của hộ. Kết quả phân tích mô hình nghiên cứu tại Thái Nguyên tương đồng với những nghiên cứu trước đây và được trình bày cụ thể tại phần tổng quan.

5. Kết luận và hàm ý chính sách

Sự phát triển và quy mô hoạt động của tài chính vi mô tại khu vực nông thôn đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn về vốn của hộ nông dân. Trong đó, vai trò chủ đạo là NHCSXH và NHNN&PTNT trong việc tăng khả năng tiếp cận tài chính vi mô của các hộ dân trên địa bàn nông thôn tỉnh Thái Nguyên. Kết quả phân tích hồi quy xác định rõ các yếu tố quan trọng và có ảnh hưởng tới khả năng tiếp cận tài chính vi mô của hộ là *số năm đi học của chủ hộ, giới tính chủ hộ, giá trị tài sản hộ, diện tích đất của hộ, số lượng lao động hộ và tuổi của chủ hộ*.

Vì vậy, nhằm nâng cao khả năng tiếp cận tài chính vi mô của hộ chính quyền và các tổ chức cần tập trung vào các nội dung sau:

Nâng cao trình độ, kiến thức, khả năng sản xuất của hộ trong đó tập trung đào tạo, nâng cao kiến thức sản xuất, cung cấp thông tin thị trường cho chủ hộ vì chủ hộ là người trực tiếp quyết định hoạt động đầu tư, sử dụng nguồn lực của hộ đặc biệt là nguồn tài chính. Khuyến khích các chủ hộ trẻ tuổi mạnh dạn đầu tư sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có lợi thế của địa phương, gắn chặt với hoạt động khởi nghiệp trong sản xuất nông nghiệp.

Để thuận lợi cho việc tiếp cận tài chính cần giảm các yêu cầu về tài sản đảm bảo cho việc vay vốn thông qua hoạt động thế chấp, cầm cố tài sản, đất đai của hộ vì hiện nay việc vay vốn theo quy định của các ngân hàng thương mại đều cần phải có tài sản đảm bảo, mà đây là hạn chế lớn của các hộ dân tại khu vực nông thôn Thái Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung

Quy mô lao động hộ có xu hướng giảm, đặc biệt là lao động trẻ tuổi có sự di chuyển mạnh mẽ ra các đô thị, khu công nghiệp. Vì vậy, để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất nông nghiệp, nông thôn Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội cần đầu tư nguồn vốn, hỗ trợ kỹ thuật, tăng cường cơ giới hóa cho các hộ nông dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Mikkel Barslund and Finn Tarp. (2006). *Rural Credit in Vietnam*.
- [2]. Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên. (2016). *Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2015*.
- [3]. Lâm Chí Dũng. (2003). *Tín dụng phi chính thức ở nông thôn miền Trung qua một cuộc khảo sát - Nhận định và giải pháp*.
- [4]. Vương Quốc Duy, Lê Long Hậu và Marijke D'haese. (2009). *Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận tín dụng chính thức của nông hộ ở Đồng bằng sông Cửu Long*.
- [5]. Ngân hàng chính sách xã hội, *Báo cáo Tổng kết hoạt động năm 2016*.
- [6]. Nguyễn Trọng Hoài. (2007). *Các biến phụ thuộc bị giới hạn*. Chương trình giảng dạy Kinh tế Fulbright.
- [7]. Tổng cục Thống kê. (2016). *Kết quả khảo sát mức sống dân cư Việt Nam 2014*. Nhà xuất bản Thống kê.
- [8]. M.H. Quach, A.W. Mullineux and V. Murinde. (2003). *Rural credit and household poverty reduction in Vietnam: Evidence using panel data from household surveys*.

Thông tin tác giả:

1. **Tạ Việt Anh**, Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD
- Địa chỉ email: tavietanh@tueba.edu.vn
2. **Nguyễn Thị Phương Anh**, Cử nhân
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD
3. **Bùi Đức Linh**, Thạc sĩ
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế & QTKD

Ngày nhận: 03/04/2017
Ngày nhận bản sửa: 26/06/2017
Ngày duyệt đăng: 30/06/2017